TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 82/2024/HNGĐ- ST
Ngày 14-8-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN- TỈNH YÊN BÁI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Triệu Thị Thủy Hoàn
- Ông Hoàng Văn Hội

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Tú- Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 17-7-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31-7-2024; thông báo mở lại phiên tòa sô 31 ngày 01-8-2024 giữa;

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã M1, huyện L, tỉnh Y

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1987- Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã M1, huyện L, tỉnh Y

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 6 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau ngày 27-11-2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện L. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay

xảy ra cãi nhau. Chị H và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022. Nay chị H xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ

Về con chung: Chị H và anh Đ có một con chung tên là Hoàng Nhã P, sinh ngày 08-01-2021. Cháu P còn nhỏ chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu P, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chịị H không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Hoàng Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82 ,83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử: Chịị H được ly hôn anh Đ; giao cháu P cho chịị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; chịị H phải chịu 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án huyện L là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của nguyên đơn đơn và bị đơn.

[2] *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] *Về tình cảm:* Chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau ngày 27-11-2019, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị H và anh Đ sống hòa thuận đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra cãi nhau. Tại phiên

tòa chị H vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt chị H xác định tình cảm không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Về phía anh Đ đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do mặc dù anh Đ biết việc chị H xin ly hôn nhưng anh Đ không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 09-7-2024 ở Thôn M, xã M1, huyện L, tỉnh Y nơi chị H và anh Đ cư trú sinh sống cũng xác nhận: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay xảy ra cãi nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị H được ly hôn anh Đ.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh Đ có một con chung tên là Hoàng Nhã P, sinh ngày 08-01-2021. Tại phiên tòa chị H vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như đơn xin xét xử vắng mặt chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu P, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh Đ quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đ đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt không có lý do, mặc dù anh biết việc chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu P, nhưng anh Đ không có ý kiến gì. Tại biên bản xác minh ngày 09-7-2024 ở nơi cư trú của anh Đ và chị H xác nhận cháu P hiện nay đang ở cùng chị H. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu P Hiện nay đang ở cùng chị H, cháu P còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Để đảm bảo ổn định tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu P cần giao cho chiị H được trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, phù hợp với thực tế. Áp dụng điều 81, 82. 83 Luật hôn nhân và gia đình xử: Giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2- Về con chung xử: Giao cháu Hoàng Nhã P, sinh ngày 08-01-2021 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; anh Hoàng Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chịi H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2023/0001867 ngày 17-6-2024 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chịi H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Hoàng Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Lục Yên;
- CCTHA Lục Yên;
-UBND xã Minh Tiến
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh